SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số 10 Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - TP. Thái Bình
ĐT: 02273 831 885 - Fax: 0227.3836 722
*Email: khoaxnytdptb@gmail.com * ĐT: 02273 836 860*

Ngày trả kết quả 11/4/2018

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 629

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước đầu nguồn
Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh kín.
Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước Vũ Ninh – Cty Thủy Long
Địa chỉ: Xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
Ngày lấy mẫu: Ngày 03 tháng 4 năm 2018
Ngày gửi mẫu đến phòng thử nghiệm: Ngày 03 tháng 4 năm 2018
Yêu cầu thử nghiệm: Chất lượng nước theo QCVN 08: 2015/BTNMT

II. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn	
					A1	A2
1.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,36	6-8,5	6-8,5
2.	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7324:2004	mg/L	7,52	≥ 6,0	≥ 5,0
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540D:2017	mg/L	19,2	20	30
4.	Nhu cầu oxy hoá học COD	TCVN 6491:1999	mg/L	7,87	10	15
5.	Nhu cầu oxy sinh học BOD_5	TCVN 6001-1:2008	mg/L	< 4[(a)]	4,0	6,0
6.	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,05	0,3	0,3
7.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194 : 1996	mg/L	63,3	250	350
8.	Hàm lượng Florua	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0,56	1,0	1,5
9.	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	< 0,05[(a)]	2,0	5,0
10.	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178:1996	mg/L	0,12	0,05	0,05
11.	Hàm lượng Phosphate(PO_4^{3-})	TCVN 6494-1:2011	mg/L	< 0,05[(a)]	0,1	0,2
12.	Hàm lượng Xyanua (CN^-)	TCVN 6181:1996	mg/L	< 0,01[(a)]	0,05	0,05
13.	Hàm lượng Asen (*)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	< 0,002[(a)]	0,01	0,02
14.	Hàm lượng Cadimi	SMEWW 3113B:2017	mg/L	< 0,001[(a)]	0,005	0,005
15.	Hàm lượng Chì(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	< 0,002[(a)]	0,02	0,02

L-u ý : Kết quả thử nghiệm chỉ có kết quả trên mẫu thử;
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình.
Thông tin về mẫu thử: Theo yêu cầu của khách hàng;
Giải quyết thắc mắc, khiếu lại: Trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm ;
** Chỉ tiêu được công nhận ÍO/IEC17025:2005*
*** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn	
					A1	A2
16.	Hàm lượng Crom	SMEWW 3111B:2017	mg/L	< 0,02[(a)]	**0,05**	**0,1**
17.	Hàm lượng Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	< 0,05[(a)]	**0,1**	**0,2**
18.	Hàm lượng Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	< 0,1[(a)]	**0,5**	**1,0**
19.	Hàm lượng niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	< 0,04[(a)]	**0,1**	**0,1**
20.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	<0,0005[(a)]	**0,001**	**0,001**
21.	Hàm lượng Sắt (Fe) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	0,09	**0,5**	**1,0**

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn	
					A1	A2
1	Coliforms[(*)]	TCVN6187-2:1996	MPN/100ml	$1,2 \times 10^5$	**2500**	**5000**
2	E.coli[(*)]	TCVN6187-2:1996	MPN/100ml	$3,5 \times 10^2$	**20**	**50**

Ghi chú: KPH - Không phát hiện: Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử
Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD $_{E.coli, Coliforms}$: 03CFU /100ml

GIÁM ĐỐC

TỈNH TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Xuân Cấp

KT. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Ths. Trần Thị Huế

Lưu ý : Kết quả thử nghiệm chỉ có kết quả trên mẫu thử;
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình.
Thông tin về mẫu thử: Theo yêu cầu của khách hàng;
Giải quyết thắc mắc, khiếu lại: Trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm ;
** Chỉ tiêu được công nhận ÍO/IEC17025:2005*
*** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*